

Bản án số: /2024/DS-ST.

Ngày: 09/12/2024.

*“V/v: Kiện tranh
chấp hợp đồng vay tài sản”*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KBANG, TỈNH GIA LAI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đỗ Thị Lành;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đinh Đình Chi;

2. Bà Đinh Thị Triết;

-Thư ký phiên toà: Ông Phan Đình Mão -Thư ký Toà án nhân dân huyện Kbang, tỉnh Gia Lai.

Ngày 09/12/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kbang, Tòa án nhân dân huyện Kbang, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 90/2024/TLST-DS ngày 07/8/2024, về việc *“Kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2024/QĐST-DS ngày, 04/11/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 24/2024/QĐST-DS, ngày 22/11/2024, giữa:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Anh H, sinh năm 1987;

Địa chỉ: Tổ dân phố B, thị trấn K, huyện K, tỉnh Gia Lai.

- Bị đơn: Anh Trần Trung T, sinh năm 1997;

Địa chỉ: Số nhà G, đường N, tổ dân phố B, thị trấn K, huyện K, tỉnh Gia Lai;

Anh H vắng mặt nhưng có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt; anh T lần thứ hai vắng mặt tại phiên tòa;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nguyên đơn anh Nguyễn Anh H trình bày:

Vì là chỗ quen biết với nhau nên vào ngày 22/8/2020 (dương lịch) anh có anh Trần Trung T, cư trú tại số nhà 79 N, tổ dân phố B, thị trấn K, huyện K, tỉnh Gia Lai mượn số tiền là 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng). Khi mượn tiền anh Trần Trung T đã tự nguyện ghi nội dung nhận nợ với anh số tiền là 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) và ký ghi rõ họ tên Nguyễn Trung T1 và giao lại cho anh giữ; nay anh đã cung cấp cho Toà án làm chứng cứ khởi kiện. Trong giấy nhận nợ anh T1 hẹn anh đến ngày 22/9/2020 sẽ trả nợ cho anh nhưng anh T1 đã không thực hiện.

Mặc dù trong giấy nhận nợ có ghi tên vợ chị Lê Thị N, nhưng thực tế chị N không biết việc vay mượn giữa anh và anh T1 nên anh không có yêu cầu gì đối với chị N.

Kể từ ngày anh T1 nhận nợ cho đến nay T1 không trả tiền cho anh như đã hứa, mặc dù anh đã nhiều lần yêu cầu anh T1 trả nợ thì anh T1 cứ hứa hết lần này đến lần khác, cố tình không trả nợ, nên anh đã khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân huyện K, tỉnh Gia Lai giải quyết, buộc anh T1 phải trả cho anh số tiền gốc là 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng).

Đối với bị đơn anh Trần Trung T: Trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án, đã nhiều lần triệu tập anh T làm việc cũng như tham gia các phiên công khai chứng cứ và hòa giải; tham gia phiên tòa, nhưng anh T đều không có mặt, mặc dù Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ cho anh T, nhưng anh T vắng mặt nên không tiến hành hòa giải cho các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án được.

Tại phiên tòa hôm nay anh T vẫn tiếp tục vắng mặt nên không trình bày thêm được quan điểm của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Các tài liệu, chứng cứ được nguyên đơn giao nộp, gồm: 01 Giấy A4 đánh máy và viết tay ghi đầu đề giấy vay mượn tiền có nội dung... ngày 22/8/2020... anh Trần Trung T có vay anh Nguyễn Anh H số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) ... kết thúc nội dung có chữ ký ghi rõ họ tên của người vay tiền Trần Trung T (bản chính); 01 Giấy Căn cước công dân mang tên Nguyễn Anh H (bản photto);

Các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh: Nguyên đơn: Anh Nguyễn Anh H, sinh năm 1987 - Địa chỉ: Tô dân phố B, thị trấn K, huyện K, tỉnh Gia Lai; bị đơn: Anh Trần Trung T, sinh năm 1997 -Địa chỉ: Số nhà G, đường N, tổ dân phố B, thị trấn K, huyện K, tỉnh Gia Lai, điều này được thể hiện qua các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] **Về tố tụng dân sự:** Tranh chấp phát sinh giữa nguyên đơn anh Nguyễn Anh H và bị đơn anh Trần Trung T là tranh chấp phát sinh từ quan hệ pháp luật vay tài sản. Quan hệ này được hai bên xác nhận bằng văn bản, không có lãi, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên được pháp luật bảo vệ. Anh H là chủ thể có quyền lợi bị vi phạm nên được quyền khởi kiện. Điều kiện khởi kiện của nguyên đơn được đảm bảo nên được xem xét và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kbang, tỉnh Gia Lai. Tòa án nhân dân huyện Kbang đã thụ lý vụ án và xác định quan hệ pháp luật là "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*", được quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] **Về nội dung giải quyết vụ án:**

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Anh H, Hội đồng xét xử thấy rằng: Quan hệ pháp luật vay mượn giữa anh H và anh T được hai bên xác lập bằng văn bản là 01 Giấy A4 đánh máy và viết tay ghi đầu đề giấy vay mượn tiền có nội dung... ngày 22/8/2020... anh Trần Trung T có vay anh Nguyễn Anh H số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) ... kết thúc nội dung có chữ ký ghi rõ họ tên của người vay tiền Trần Trung T (bản chính).

Đối với bị đơn anh Trần Trung T, trong quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án, đã nhiều lần Tòa án triệu tập anh tén làm việc cũng như tham gia các phiên công khai chứng cứ và hòa giải và tham gia phiên tòa, thông qua việc tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ đến gia đình anh T và đã được mẹ đẻ của anh ký nhận văn bản, cam kết giao lại tận tay cho anh, việc xác nhận này cho thấy, anh và gia đình đều biết việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu trả nợ, nhưng vẫn cố tình vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy nội dung yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Anh H là có căn cứ và đúng pháp luật nên được HĐXX chấp nhận, buộc bị đơn anh Trần Trung T phải trả cho nguyên đơn anh Nguyễn Anh H số tiền nợ gốc là 50.000.000 đồng (*năm mươi triệu đồng*).

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Anh H được chấp nhận toàn bộ nên anh H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho anh H toàn bộ số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

Bị đơn anh Trần Trung T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định là 50.000.000 đồng x 5% = 2.500.000 đồng (*hai triệu năm trăm nghìn đồng*).

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 357; 463; 466; 468; 470 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 26; 35; 39; 91; 93; 94; 95; 108; 144; 147; 266; 227; 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí tòa án;

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Anh H: Buộc bị đơn anh Trần Trung T phải trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc là 50.000.000 đồng *năm mươi triệu đồng*).

Kể từ ngày người được thi hành án (anh H) có đơn yêu cầu thi hành án, cho đến khi người phải thi hành án (anh T) thi hành án xong khoản tiền nợ nói trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí: Buộc bị đơn anh Trần Trung T phải chịu 2.500.000 đồng (*hai triệu năm trăm nghìn đồng*).

Hoàn trả cho nguyên đơn anh Nguyễn Anh H số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 1.250.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0002286, ngày 06/8/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kbang, tỉnh Gia Lai.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật, các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện Kbang;
- Chi cục THADS huyện Kbang;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA,VPTA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Lành

